TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: 511/2024/QĐST-HNGĐ	*Đông Anh, ngày 11 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 514/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị A**, sinh năm 1995. Nơi thường trú: Khu 3, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã N, huyện Z, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Bùi Tiến B**, sinh năm 1992. Nơi thường trú: Khu 3, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã N, huyện Z, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/10/2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị A và anh Bùi Tiến B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị A và anh Bùi Tiến B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2014, quyển số 02/2010, đăng ký ngày 23/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ cấp cho chị Hà Thị A và anh Bùi Tiến B không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Hà Thị A và anh Bùi Tiến B có 02 con chung là cháu Bùi Tiến C, sinh ngày 09/12/2013 và cháu Bùi Huy D, sinh ngày 30/8/2018.

Sau ly hôn, chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi từng con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị A, anh B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Hà Thị A và anh Bùi Tiến B đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Hà Thị A chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: **71298** ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Chị A được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Lâm Bình